

KHUNG YÊU CẦU TÍCH LŨY

((Kèm theo Quyết định số 1204/QĐ-ĐHTT ngày 23/9/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào))

Tên CĐT: Giáo dục Mầm non
Mã ngành: 7140201
Chuyên ngành: Giáo dục Mầm non
Trình độ: Đại học
Hình thức đào tạo: VLVH

TT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Học phần học trước	Số tín chỉ	Không được xét	Người học có bằng trung cấp		Người học có bằng cao đẳng	
							Học kỳ		Học kì	
							Ngành phù hợp	Ngành có liên quan	Ngành phù hợp	Ngành khác
A		GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			29					
A1		Lý luận chính trị			11					
1	LL2.1.040.3	Triết học Mác - Lênin			3		2		2	
2	LL2.1.041.2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Triết học Mác-Lênin		2					
3	LL2.1.042.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	KTCT		2					
4	LL2.1.043.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	CNXH		2					
5	LL2.1.044.2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	TTHCM		2		5		5	
		Pháp luật			2					
6	LL2.1.007.2	Pháp luật đại cương		Triết học Mác-Lênin	2					
A2		Tiếng Anh			9					
7	NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1			3					
8	NN2.1.002.3	Tiếng Anh 2		TA1	3					
9	NN2.1.003.3	Tiếng Anh 3		TA2	3		3		3	
A3		Tin học			2					
10	TI2.1.501.2	Nhập môn công nghệ số, tin học và ứng dụng AI			2		1		1	
A4		Nghiên cứu khoa học								

11	NCKH.01.00 1.3	Nghiên cứu khoa học			3		2		2	
A5		Giáo dục khởi nghiệp								
	KT2.1.191.2	Khởi nghiệp			2					
B		GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP (CƠ SỞ NGÀNH VÀ CỐT LÕI NGÀNH)			89					
B1		Kiến thức cơ sở khối ngành			6					
12	TL2.1.001.2	Tâm lý học đại cương			2					
13	TL2.1.003.2	Giáo dục học đại cương			2					
14	LL2.1.005.2	QLHC NN và QL ngành GD và ĐT			2					
B2		Kiến thức cơ sở ngành			15					
15	TN2.1.158.2	Toán ứng dụng			2					
16	TN2.1.403.2	Sinh lý học trẻ em			2					
17	VD2.1.144.2	Âm nhạc cơ bản			2					
18	NT2.1.011.3	Mỹ thuật cơ bản			3		5			
19	VD2.1.142.2	Múa đại cương			2					
20	XH2.1.048.2	Văn học trẻ em			2					
21	XH2.1.002.2	Tiếng Việt thực hành			2*					
22	VD2.1.091.2	Cơ sở văn hoá Việt Nam			2*					
B3		Chuyên ngành:			68					
23	MN2.1.037.3	Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non			3		1		1	
24	MN2.1.038.3	Giáo dục học mầm non			3		1		1	
25	MN2.1.075.3	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	GDHMN		3		1		1	
26	MN2.1.014.2	Giáo dục hòa nhập			2		4		4	
27	MN2.1.076.3	Phương pháp hình thành biểu tượng toán học cho trẻ mầm non	GDHMN		3		3		3	
28	MN2.1.073.2	Kỹ năng giao tiếp và ứng xử sư phạm của giáo viên mầm non			2		4		4	
29	MN2.1.077.3	Phương pháp hướng dẫn trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh	GDHMN		3		2		2	
30	MN2.1.078.3	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	GDHMN		3		4		4	
31	MN2.1.079.3	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo	GDHMN		3		2		2	

		hình cho trẻ mầm non								
32	MN2.1.080.3	Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non	GDHMN		3		3		3	
33	MN2.1.081.3	Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học	GDHMN		3		3		3	
34	MN2.1.047.3	Chương trình và phát triển chương trình giáo dục mầm non	GDHMN		3		2		2	
35	MN2.1.061.2	Quản lý giáo dục mầm non			2		4		4	
36	MN2.1.020.2	Đánh giá trong giáo dục mầm non			2		4		4	
37	MN2.1.090.2	Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non	GDHMN		2		1		1	
38	ĐD2.1.062.3	Dinh dưỡng trẻ em			3					
39	ĐD2.1.061.3	Vệ sinh - Phòng bệnh trẻ em			3		5		5	
40	TN2.1.504.2	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non.			2		4		4	
41	MN2.1.082.2	Thực hành sự phạm 1	GDHMN		2		1			
42	MN2.1.083.2	Thực hành sự phạm 2	GDHMN		2		2			
43	MN2.1.084.3	Thực hành sự phạm 3	GDHMN		3		3			
44	MN2.1.085.3	Thực hành sự phạm 4	GDHMN		3		4			
45	MN2.1.074.2	Đạo đức nghề nghiệp giáo viên mầm non			2		3		3	
46	TL2.1.014.2	Tâm bệnh học			2*					
47	MN2.1.086.2	Giáo dục STEAM cho trẻ mầm non			2*					
48	MN2.1.023.2	Phương pháp dạy trẻ mẫu giáo định hướng thời gian			2*					
49	MN2.1.089.2	Tổ chức hoạt động giáo dục tình cảm kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non			2		3		3	
50	MN2.1.087.2	Xây dựng môi trường giáo dục trong trường mầm non			2*		4		4	
51	MN2.1.088.2	Kỹ thuật làm đồ chơi, đồ dùng dạy học cho trẻ mầm non			2		1		1	
C		THỰC TẬP VÀ TỐT NGHIỆP			14					
C1		Thực tập			8					
52	MN2.1.030.4	Thực tập 1			4					
53	MN2.1.031.4	Thực tập 2			4		5		5	

C2		Học phần thay thế KLTN			6					
54	MN2.1.049.2	Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non			2		5		5	
55	MN2.1.070.2	Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ mầm non			2		5		5	
56	MN2.1.059.2	Giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non			2		5		5	
C3	MN2.1.053.6	Khóa luận tốt nghiệp			6					
D		GIÁO DỤC THỂ CHẤT VÀ GIÁO DỤC QP-AN								
D1		Giáo dục thể chất			2		3		3	
D2		Giáo dục Quốc phòng – An ninh			9		2		2	
Tổng số tín chỉ kỳ 1:							17		15	
Tổng số tín chỉ kỳ 2:							19		17	
Tổng số tín chỉ kỳ 3:							19		16	
Tổng số tín chỉ kỳ 4:							18		15	
Tổng số tín chỉ kỳ 5:							18		15	
Tổng số tín chỉ kỳ 6:										
Tổng số tín chỉ kỳ 7:										
Tổng số tín chỉ kỳ 8:										
Tổng số tín chỉ toàn khóa (Không tính HP QPAN)							91		78	
Tổng số tín chỉ toàn khóa (Gồm HP GDTC và GD QP-AN)						148	100		86	